BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3177 /QĐ-BNN-QLCL	*Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

VĂN PHÒNG BỘ ...
Số: 3092
ĐẾN Ngày: 27/8/18
Chuyển: ...

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính tại Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL, ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, cụ thể:

- Cấp Trung ương:

Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu (BNN-288002);

Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm (BNN-288003);

Thủ tục công nhận nước xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc thực vật vào Việt Nam (BNN-288012);

Cấp giấy chứng nhận kiểm tra an toàn thực phẩm nhập khẩu (BNN-288025).

- Cấp Tỉnh:

Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu (BNN-288017);

Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm (BNN-288018).

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cơ quan, Thủ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ, Báo Nông nghiệp VN;
- Trung tâm tin học và thống kê;
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Văn Tám

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3177/QĐ-BNN-QLCL ngày 09/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1.	BNN-288000	Công bố danh sách cơ sở sản xuất kinh doanh được phép xuất khẩu hàng hóa có	Đăng ký quốc gia, vùng lãnh thổ và cơ sở sản xuất, kinh doanh vào danh sách xuất khẩu thực phẩm (thuộc phạm vi quản	Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		nguồn gốc động vật vào Việt Nam	lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) vào Việt Nam	Luật an toàn thực phẩm		
2.	BNN-288001	Công bố danh sách bổ sung cơ sở sản xuất kinh doanh được phép xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc động vật vào Việt Nam	Bổ sung danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất khẩu sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản vào Việt Nam.			Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	BNN-288002	Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
2	BNN-288003	Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm			Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
3	BNN-288012	Thủ tục công nhận nước xuất khẩu thực phẩm có	Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy		Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

		nguồn gốc thực vật vào Việt Nam	định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm		Cục BVTV
4	BNN-288025	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn thực phẩm nhập khẩu	Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cục Bảo vệ thực vật
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	BNN-288017	Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Chi Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản hoặc đơn vị được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.
2	BNN-288018	Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm			Chi Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản hoặc đơn vị được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

I. Tên thủ tục hành chính: Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.1. Trình tự thực hiện

a) Trước hoặc khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại khoản 2, Điều 18, Nghị định 15/2018/NĐ-CP đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia phân hệ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu được áp dụng);

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và ra thông báo thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu theo Mẫu số 05, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP. Trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ thì phải nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu;

c) Chủ hàng có trách nhiệm nộp Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu cho cơ quan hải quan để thông quan hàng hóa.

d) Trường hợp ra Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định các biện pháp xử lý theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 55, Luật an toàn thực phẩm..

1.2. Cách thức thực hiện:

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ đến cơ quan kiểm tra nhà nước

Cổng thông tin một cửa quốc gia (nếu đã áp dụng)

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP;

- Bản tự công bố sản phẩm;

- 03 (ba) Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu liên tiếp theo phương thức kiểm tra chặt đối với các lô hàng, mặt hàng được chuyển đổi phương thức từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường (bản chính);

- Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing list);

- Trong trường hợp sản phẩm quy định tại Điều 14, Nghị định 15/2018/NĐ-CP thì phải có giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (bản chính), trừ trường hợp thủy sản do tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

d) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Thông báo thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu

1.8. Phí, lệ phí: Thu phí, lệ phí kiểm tra, kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

1.9. Mẫu đơn, tờ khai

- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP;

1.10. Điều kiện thực hiện TTHC:

1) Sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản, sản phẩm thực vật dùng làm thực phẩm nhập khẩu, trừ các thực phẩm đã qua chế biến, bao gói sẵn, thực phẩm do tổ chức, cá nhân Việt Nam xuất khẩu sang nước ngoài nhưng bị trả về và các trường hợp quy định tại Điều 13, Nghị định 15/2018/NĐ-CP phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có xuất xứ từ quốc gia, vùng lãnh thổ có hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm đáp ứng quy định của Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đưa vào danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ đăng ký xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật, thủy sản vào Việt Nam;

b) Đối với sản phẩm động vật trên cạn dùng làm thực phẩm, sản phẩm động vật thủy sản dùng làm thực phẩm: Phải được sản xuất bởi cơ sở sản xuất, kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của Việt Nam;

c) Mỗi lô hàng nhập khẩu có nguồn gốc động vật, thủy sản nhập khẩu phải kèm theo giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (trừ trường hợp thủy sản do tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam).

2) Kiểm tra thông thường áp dụng đối với tất cả mặt hàng của lô hàng nhập khẩu, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 17, Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Mẫu số 04, phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP

Tên Chủ hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Số ..../20..../ĐKNK

1. Tên, địa chỉ, điện thoại của chủ hàng: .....
2. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa: .....
.....
3. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân xuất khẩu: .....
4. Thời gian nhập khẩu dự kiến: .....
5. Cửa khẩu đi: .....
6. Cửa khẩu đến: .....
7. Thời gian kiểm tra: .....
8. Địa điểm kiểm tra: .....
9. Dự kiến tên cơ quan kiểm tra: .....
10. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Nhóm sản phẩm (Theo QCVN hoặc Codex hoặc tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất)	Tên và địa chỉ nhà sản xuất	Phương thức kiểm tra	Số văn bản xác nhận phương thức kiểm tra*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

* Số văn bản xác nhận phương thức kiểm tra là số thông báo của cơ quan có thẩm quyền thông báo mặt hàng được kiểm tra theo phương thức kiểm tra.

Ngày.... tháng... năm...
Chủ hàng
(Ký tên đóng dấu)

Ngày.... tháng... năm...
Cơ quan kiểm tra nhà nước
(Ký tên đóng dấu)

II. Tên thủ tục hành chính: Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2.1. Trình tự thực hiện

a) Trước hoặc khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 18, Nghị định 15/2018/NĐ-CP đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia phân hệ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu đã áp dụng);

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo yêu cầu và ra thông báo thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu theo Mẫu số 05, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP. Trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ thì phải nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu.

c) Chủ hàng có trách nhiệm nộp Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu cho cơ quan hải quan để thông quan hàng hóa.

d) Trường hợp ra Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định các biện pháp xử lý theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 55, Luật an toàn thực phẩm.

2.2. Cách thức thực hiện:

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ đến cơ quan kiểm tra nhà nước

Cổng thông tin một cửa quốc gia (nếu đã áp dụng)

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP;

- Bản tự công bố sản phẩm;

- Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing list);

- Trong trường hợp sản phẩm quy định tại Điều 14, Nghị định 15/2018/NĐ-CP thì phải có giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (bản chính), trừ trường hợp thủy sản do tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

d) Cơ quan phối hợp: Không.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Thông báo thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu

2.8. Phí, lệ phí: Thu phí, lệ phí kiểm tra, kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

2.9. Mẫu đơn, tờ khai

- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP;

2.10. Điều kiện thực hiện TTHC:

1) Sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản, sản phẩm thực vật dùng làm thực phẩm nhập khẩu, trừ các thực phẩm đã qua chế biến, bao gói sẵn, thực phẩm do tổ chức, cá nhân Việt Nam xuất khẩu sang nước ngoài nhưng bị trả về và các trường hợp quy định tại Điều 13, Nghị định 15/2018/NĐ-CP phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có xuất xứ từ quốc gia, vùng lãnh thổ có hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm đáp ứng quy định của Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đưa vào danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ đăng ký xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật, thủy sản vào Việt Nam;

b) Đối với sản phẩm động vật trên cạn dùng làm thực phẩm, sản phẩm động vật thủy sản dùng làm thực phẩm: Phải được sản xuất bởi cơ sở sản xuất, kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của Việt Nam;

c) Mỗi lô hàng nhập khẩu có nguồn gốc động vật, thủy sản nhập khẩu phải kèm theo giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (trừ trường hợp thủy sản do tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam).

2) Kiểm tra chặt áp dụng đối với lô hàng, mặt hàng nhập khẩu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Lô hàng, mặt hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu tại lần kiểm tra trước đó;

b) Lô hàng, mặt hàng không đạt yêu cầu trong các lần thanh tra, kiểm tra (nếu có);

c) Có cảnh báo của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Mẫu số 04, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP

Tên Chủ hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Số ..../20..../ĐKNK

1. Tên, địa chỉ, điện thoại của chủ hàng: .....
2. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa: .....
.....
3. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân xuất khẩu: .....
4. Thời gian nhập khẩu dự kiến: .....
5. Cửa khẩu đi: .....
6. Cửa khẩu đến: .....
7. Thời gian kiểm tra: .....
8. Địa điểm kiểm tra: .....
9. Dự kiến tên cơ quan kiểm tra: .....
10. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Nhóm sản phẩm (Theo QCVN hoặc Codex hoặc tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất)	Tên và địa chỉ nhà sản xuất	Phương thức kiểm tra	Số văn bản xác nhận phương thức kiểm tra*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

* Số văn bản xác nhận phương thức kiểm tra là số thông báo của cơ quan có thẩm quyền thông báo mặt hàng được kiểm tra theo phương thức kiểm tra.

Ngày.... tháng... năm...
Chủ hàng
(Ký tên đóng dấu)

Ngày.... tháng... năm...
Cơ quan kiểm tra nhà nước
(Ký tên đóng dấu)

III. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký quốc gia, vùng lãnh thổ và cơ sở sản xuất, kinh doanh vào danh sách xuất khẩu thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) vào Việt Nam

3.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu gửi hồ sơ đăng ký về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 22 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện thẩm tra hồ sơ, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu kết quả thẩm tra và kế hoạch kiểm tra trong trường hợp cần thiết thực hiện kiểm tra đối với nước xuất khẩu vào Việt Nam.

Bước 3: Xử lý kết quả kiểm tra và thông báo danh sách quốc gia, vùng lãnh thổ và danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phép xuất khẩu vào Việt Nam

- Trường hợp không cần thiết phải thực hiện kiểm tra thực tế đối với nước xuất khẩu vào Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố kết quả, tên quốc gia, vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu vào Việt Nam. Riêng đối với sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản thì phải công bố kèm theo danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh được phép xuất khẩu.

- Trường hợp cần thiết thực hiện kiểm tra đối với nước xuất khẩu, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra tại nước xuất khẩu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý, công bố kết quả kiểm tra.

3.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Thông tin về hệ thống quản lý của quốc gia, vùng lãnh thổ (bao gồm hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, hệ thống tổ chức quản lý an toàn thực phẩm) và năng lực kiểm soát an toàn thực phẩm của cơ quan thẩm quyền quốc gia, vùng lãnh thổ xuất khẩu theo Mẫu số 08, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (đối với sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản) đăng ký xuất khẩu vào Việt Nam theo Mẫu số 07, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Thông tin về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh theo Mẫu số 09, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

d) Cơ quan phối hợp: Không

3.7. Kết quả thực hiện TTHC

Công bố kết quả tên quốc gia, vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu vào Việt Nam, kèm theo danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh được phép xuất khẩu (đối với sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản);

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Mẫu đơn, tờ khai

- Danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh đăng ký xuất khẩu vào Việt Nam (đối với sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản) (Mẫu số 07, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP);

- Thông tin về hệ thống quản lý và năng lực của cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu về kiểm soát ATTP (Mẫu số 08, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP);

- Tóm lược thông tin về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh (Mẫu số 09, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP).

3.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU VÀO VIỆT NAM

(Mẫu số 07, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018)

TT	Tên cơ sở sản xuất kinh doanh	Mã số	Địa chỉ	Sản phẩm đăng ký xuất khẩu vào Việt Nam	Ghi chú

.....,Ngày .....tháng.....năm .....

CƠ QUAN THẨM QUYỀN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA NƯỚC XUẤT KHẨU

(Ký tên, đóng dấu)

THÔNG TIN VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ NĂNG LỰC KIỂM SOÁT AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ QUAN THẨM QUYỀN NƯỚC XUẤT KHẨU

(Mẫu số 08, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018)

1. Hệ thống tổ chức và bộ máy quản lý:

.....

.....

2. Cán bộ thực thi nhiệm vụ (số lượng, trình độ, các khóa đào tạo về kỹ thuật...):

.....

.....

3. Hệ thống các văn bản, tiêu chuẩn, quy trình kiểm soát và chứng nhận ATTP:

.....

.....

4. Hệ thống kiểm tra, giám sát các chất tồn dư, vi sinh vật gây bệnh ... đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

5. Chương trình kiểm tra, giám sát ATTP:

.....

.....Ngày .....tháng.....năm .....

CƠ QUAN THẨM QUYỀN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA NƯỚC XUẤT KHẨU

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN TÓM LƯỢC THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Mẫu số 09, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Sản phẩm: .....
4. Mô tả quy trình sản xuất: .....
5. Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng: .....

....., Ngày ....tháng.....năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN THẨM QUYỀN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA NƯỚC XUẤT KHẨU

(Ký tên, đóng dấu)

IV. Tên thủ tục hành chính: Bổ sung danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất khẩu sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản vào Việt Nam.

4.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bước 2: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế tại nước xuất khẩu.

Bước 3: Xem xét, quyết định việc bổ sung vào danh sách.

4.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc từ động vật đăng ký xuất khẩu vào Việt Nam theo Mẫu số 07, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Thông tin về hệ thống quản lý của quốc gia, vùng lãnh thổ (bao gồm hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, hệ thống tổ chức quản lý an toàn thực phẩm) và năng lực kiểm soát an toàn thực phẩm của cơ quan thẩm quyền quốc gia, vùng lãnh thổ xuất khẩu theo Mẫu số 08, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

d) Cơ quan phối hợp: Không

4.7. Kết quả thực hiện TTHC: Công bố kết quả được bổ sung vào danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất khẩu sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản vào Việt Nam.

4.8. Phí, lệ phí: Chưa có.

4.9. Mẫu đơn, tờ khai :

- Danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm đăng ký xuất khẩu vào Việt Nam (Mẫu số 07, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP);

- Thông tin về hệ thống quản lý và năng lực của cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu về kiểm soát ATTP (Mẫu số 08, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP).

4.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC.

Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU VÀO VIỆT NAM

(Mẫu số 07, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018)

TT	Tên cơ sở sản xuất kinh doanh	Mã số	Địa chỉ	Sản phẩm đăng ký xuất khẩu vào Việt Nam	Ghi chú

.....Ngày .....tháng.....năm .....

CƠ QUAN THẨM QUYỀN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA NƯỚC XUẤT KHẨU

(Ký tên, đóng dấu)

THÔNG TIN VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ NĂNG LỰC KIỂM SOÁT AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ QUAN THẨM QUYỀN NƯỚC XUẤT KHẨU

(Mẫu số 08, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018)

1. Hệ thống tổ chức và bộ máy quản lý:

.....

.....

2. Cán bộ thực thi nhiệm vụ (số lượng, trình độ, các khóa đào tạo về kỹ thuật...):

.....

.....

3. Hệ thống các văn bản, tiêu chuẩn, quy trình kiểm soát và chứng nhận ATTP:

.....

.....

4. Hệ thống kiểm tra, giám sát các chất tồn dư, vi sinh vật gây bệnh ... đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

5. Chương trình kiểm tra, giám sát ATTP:

.....

....., Ngày .....tháng.....năm .....

CƠ QUAN THẨM QUYỀN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA NƯỚC XUẤT KHẨU

(Ký tên, đóng dấu)